TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 56/2018/QĐST-DS	*C, ngày 19 tháng 3 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 12, 14, 15 và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 09 tháng 3 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 56/2017/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Phương T, sinh năm: 1965; Cư trú tại: số n đường L, khóm m, phường a, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Trầm Phú L, sinh năm: 1992; Cư trú tại: số r, đường P, khóm m, phường a, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (Theo văn bản ủy quyền ngày 09/6/2017).

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1960; Cư trú tại: ấp PH, xã PT, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Vào ngày 09/3/2018, nguyên đơn bà Lê Phương T có đơn tự nguyện rút phần yêu cầu khởi kiện đối với người có quyền lợi - nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị CH, sinh năm: 1961, cư trú tại: ấp PH, xã PT, huyện C, tỉnh Trà Vinh và chỉ tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với một mình ông L. Bị đơn ông L thống nhất việc nguyên đơn bà T rút phần yêu cầu khởi kiện đối với bà CH. Do đó, Tòa án đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của bà T đối với bà CH.

- ***Về số tiền phải trả***: Bà Lê Phương T cùng anh Trầm Phú L đại diện theo ủy quyền của bà T và ông Nguyễn Văn L thống nhất tự nguyện thỏa thuận: Ông Nguyễn Văn L tự nguyện trả cho bà Lê Phương T số tiền đã vay còn nợ là 48.000.000 đ (Bốn mươi tám triệu đồng). Bà T thống nhất với số tiền do ông L trả là 48.000.000 đ (Bốn mươi tám triệu đồng).

- ***Về thời gian trả***: Bà Lê Phương T cùng anh Trầm Phú L đại diện theo ủy quyền của bà T và ông Nguyễn Văn L tự nguyện thỏa thuận thời gian trả do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C giải quyết theo Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- ***Về án phí dân sự sơ thẩm:***

Ông Nguyễn Văn L nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 1.200.000 đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng). Nhưng do ông L có làm đơn xin miễn giảm tiền án phí do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, được Ủy ban nhân dân xã PT, huyện C xác nhận là sự thật vào ngày 07/3/2018 và ông có nộp bản sao y chứng thực Giấy chứng nhận gia đình Liệt sỹ (ông L là con ruột của Liệt sỹ Nguyễn Văn B). Vì vậy, Tòa án miễn phần tiền án phí mà ông L có nghĩa vụ nộp bằng 600.000 đ (Sáu trăm nghìn đồng). Ông L có nghĩa vụ nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm còn lại là 600.000 đ (Sáu trăm nghìn đồng).

Bà Lê Phương T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà T 1.200.000 đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2015/0014372 ngày 20 tháng 11 năm 2017 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thanh Thảo